

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-PT  
Ngày 30 tháng 11 năm 2023  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn;

Ông Đinh Việt Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P N, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị X, sinh năm 1979

**Bị đơn:** Anh Vũ Mạnh H, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ngân hàng N. Địa chỉ trụ sở tại: Số X L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách phòng giao dịch P L, thuộc chi nhánh huyện P N, Phú Thọ II (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Anh Vũ Mạnh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị X trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Mạnh H kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/12/2004 tại UBND xã V L, thị xã P T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi

kết hôn, anh chị về chung sống với mẹ chồng tại Khu X xã P L sau đó thì ra ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng tháng 09/2022 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị vẫn sống cùng nhà với anh H nhưng anh chị đã ly thân từ tháng 09/2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh Vũ Mạnh H.

2. Về con chung: Chị X xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 02/8/2005, cháu Vũ Minh C sinh ngày 08/02/2010, anh chị thống nhất thỏa thuận chị X được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Minh C, anh H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Bảo L cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

3. Về tài sản chung: Chị X xác nhận vợ chồng có tài sản chung là: Quyền sử dụng đất thửa đất 395, tờ bản đồ 28 diện tích 558,1m<sup>2</sup> do UBND huyện P N cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên hai anh chị tại Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 3 xây 2 tầng và 01 nhà cấp 4 cùng toàn bộ cây cối và đồ dùng sinh hoạt. Về nguồn gốc đất trên là của bố mẹ anh H đã cho anh từ năm 1996. Năm 2014, theo chủ chương của nhà nước sau khi cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất đứng tên hai anh chị. Diện tích đất thực tế sử dụng hiện nay là 535,7m<sup>2</sup> như kết quả đo đạc chị nhất trí. Chị X xin được hưởng phần diện tích đất có ngôi nhà cấp 4 và diện tích đất nằm giữa hai ngôi nhà này. Còn phần diện tích đất có ngôi nhà cấp 3 xây 2 tầng để anh H sở hữu và sử dụng. Ngôi nhà cấp 3 hai tầng chị và anh thống nhất đưa ra giá số tiền 800 triệu đồng. Chị đồng ý để anh H sở hữu nhà cấp ba và thanh toán cho chị ½ giá trị ngôi nhà. Về nguồn tiền làm nhà anh chị có khoảng 150 triệu, quá trình làm nhà đã vay mượn anh em và Ngân hàng để trả nợ. Sau đó chị đã vay lại Ngân hàng để trả cho anh em bản nợ này.

\* Đối với cây cối trên khoảng đất trống giữa nhà cấp 3 và nhà cấp 4 gồm:  
+ 02 cây sấu đường kính 40-45cm; 01 cây sung đường kính 25-30cm; 01 cây vải đường kính 30-35cm; 01 cây vải đường kính 30-35cm; 01 cây bưởi đường kính 10-15cm; 01 cây khế đường kính 15-20cm; (01 giếng nằm trên phần đất trống, anh chị thống nhất không kiểm kê, định giá).

\* Cây cối trên sân của nhà cấp 4 gồm: + 01 cây sấu đường kính 30-35cm.

\*Tài sản khác: 03 xe máy (gồm: 01 xe Dream sản xuất năm 1993; 01 xe Vison sản xuất năm 2021; 01 xe Galaxy sản xuất năm 2017); 01 tivi samsung 49 inch sản xuất năm 2017; 01 máy giặt Aqua cửa đứng sản xuất năm 2020; 02 điều hòa Toshiba 9000 BTU sản xuất năm 2021; 01 bộ bàn kê bằng gỗ tạp mua năm 2009; 01 kệ để tivi bằng gỗ tạp mua năm 2009; 01 máy lọc nước Kangaroo sản xuất năm 2021; 01 tủ lạnh Aqua 373 lít sản xuất năm 2018; 01 tủ lạnh Toshiba mua năm 2005; 01 bình nóng lạnh Rossi 30 lít sản xuất năm 2019. Trong các tài sản này, chị sin được sử hữu: 01 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 máy lọc nước; 01 xe máy ViSion, 01 tủ lạnh Aqua, còn lại chị đồng ý để anh H được sử dụng.

4. Về nợ: Chị có nợ Công ty TNHH G, địa chỉ tại khu Công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì số tiền 26.323.000 đồng và nợ bà Mai Thị Minh K số tiền

70.000.000 đồng. Chị xin rút yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ này vì chị sẽ tự có trách nhiệm trả khoản nợ này, không yêu cầu anh H có trách nhiệm cùng trả nợ và không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị còn khoản nợ Ngân hàng N, Chi nhánh P N Phú Thọ II, phòng giao dịch P L: là 300.000.000đ khoản nợ này chị vay để làm nhà. Để đảm bảo khoản vay Ngân hàng, vợ chồng chị X Hùng ký kết 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BT750048, thế chấp nhà, đất của vợ chồng tại thửa đất số 395, tờ bản đồ số 28 diện tích 558,1m<sup>2</sup> tại Khu X xã P L, huyện P N. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Quá trình vay vốn vợ chồng chị Xiêm, anh H đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay và không vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi của khoản vay đã được chị X thanh toán đầy đủ.

5. Về công sức đóng góp: Chị X không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Vũ Mạnh H trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân, con chung: Anh H xác nhận như chị X trình bày là đúng, anh nhất trí quan điểm của chị X trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng do chị X ghen tuông anh có người phụ nữ khác, anh đã giải thích nhiều lần nhưng chị không tin tưởng anh. Nay chị X xin ly hôn, anh nghĩ cho các con anh nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị X kiên quyết xin ly hôn anh nhất trí.

2. Về con chung: Như chị X trình bày là đúng, khi ly hôn anh nuôi cháu L còn chị X nuôi cháu C, không ai phải đóng góp nuôi con cho ai.

3. Về tài sản chung: Anh xác nhận toàn bộ tài sản kiểm kê như chị X trình bày. Tuy nhiên về thửa đất 395, tờ bản đồ 28 diện tích 558,1m<sup>2</sup> (thực tế đo là 535,7m<sup>2</sup>) do UBND huyện P N cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên anh chị tại Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ là tài sản của bố mẹ anh cho riêng anh, không phải là tài sản chung nên anh không nhất trí chia quyền sử dụng đất cho chị X. Còn các tài sản khác anh nhất trí chia như của chị X trình bày.

4. Về nợ: Đối với khoản nợ Công ty TNHH G, địa chỉ tại khu Công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì số tiền 26.323.000 đồng và khoản nợ khoản nợ bà Mai Thị Minh K số tiền 70.000.000 đồng. Chị X xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ này vì chị tự có trách nhiệm trả khoản nợ và không đề nghị Tòa án giải quyết, anh nhất trí. Còn đối với khoản nợ Ngân hàng N, Chi nhánh P N Phú Thọ II, phòng giao dịch P L. Anh H xác nhận hai bên có ký hợp đồng tín dụng số 2709-LAV-202001534 ngày 20/5/2020, hạn mức cho vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Ngày 20/5/2020, anh đã ủy quyền cho chị X, đại diện ký hợp đồng trên. Tuy nhiên, năm 2021 anh chị đã trả hết nợ nên đây là khoản nợ riêng của chị X. Anh không nhất trí cùng chị X trả khoản nợ này cho ngân hàng.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng N do đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Ngày 20/5/2020 chị Phùng Thị X đại diện cho hộ gia đình theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2020 có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng, hạn mức cho vay là 300.000.000đ, thời hạn duy trì hạn mức 03 năm kể từ ngày ký. Để đảm bảo cho khoản vay, anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/5/2020 với ngân hàng.

Cụ thể các khoản vay được giải ngân như sau:

- Ngày 22/5/2020, tại giấy giải ngân kèm giấy nhận nợ thì anh chị đã được giải ngân số tiền 200.000.000 đồng. Khoản tiền này tất toán ngày 24/5/2021.

- Ngày 12/10/2020, tại giấy giải ngân kèm giấy nhận nợ thì anh chị đã được giải ngân số tiền 40.000.000 đồng. Khoản tiền này tất toán ngày 12/3/2021.

- Ngày 14/3/2022, tại giấy giải ngân kèm giấy nhận nợ thì anh chị đã được giải ngân số tiền 130.000.000đ. Ngày 08/4/2022, trả nợ gốc 30 triệu đồng; ngày 10/6/2022 trả nợ gốc 55 triệu đồng, dư nợ còn lại là 45 triệu đồng.

- Ngày 06/10/2022, tại giấy giải ngân kèm giấy nhận nợ thì vợ chồng chị X anh H đã được giải ngân số tiền 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, ngày trả nợ cuối cùng ngày 06/10/2024.

- Ngày 17/10/2022, tại giấy giải ngân kèm giấy nhận nợ thì vợ chồng chị X anh H đã được giải ngân số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, ngày trả nợ cuối cùng ngày 17/10/2024. Về lãi suất cho vay đều là 11%/năm, lãi suất quá hạn 120%/lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 5%/năm. **Tiền lãi trả vào ngày 23 hàng tháng.**

**Đến nay chị X và anh H còn nợ của ngân hàng là 300.000.000đ tiền gốc.**

Khoản vay của vợ chồng chị Xiêm anh H chưa đến hạn thanh toán và bên vay cũng không vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nếu vợ chồng đề nghị tất toán toàn bộ khoản nợ Ngân hàng đồng ý. Ngân hàng đề nghị Tòa án cân đối tài sản để buộc anh H và chị X có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng. Trường hợp nếu muốn duy trì khoản vay thì ngân hàng đề nghị Tòa án giao toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho chị Phùng Thị X có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng để tiện cho việc thu hồi nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P N, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 59, 62, 63, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phùng Thị X được ly hôn anh Vũ Mạnh H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị X. Giao cho chị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Minh C, sinh ngày 08/02/2010; Giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Bảo L sinh ngày 02/8/2005 cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

+ Giao cho chị X được quyền sử dụng 290,8m<sup>2</sup> đất (trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở; 140,8 m<sup>2</sup> đất vườn) trị giá là 316.734.000đ của thửa đất 395, tờ bản đồ 28; địa chỉ thửa đất: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ theo giấy CNQSDĐ số BT 750048 do UBND huyện P N cấp cho anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X ngày 27/6/2014 có chỉ giới là {1,2,3,11,9,10,1} (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo); Giao cho chị X được quyền sở hữu tài sản trên thửa đất được giao gồm: **01 nhà cấp 4, diện**

tích 109m<sup>2</sup> trị giá là: 14.134.000đ; 01 bức tường rào dài 10,4m (phần tường rào xây trên phần đất chỉ được giao sử dụng) trị giá là 2.681.000 đ; 02 cây sấu đường kính 40-45cm, trị giá là 3.394.000 đ; 01 cây sung đường kính 25-30cm, trị giá là 1.130.000đ; 01 cây vải đường kính 30-35cm, trị giá là 1.857.900đ; 01 cây Bưởi đường kính 10-15cm, trị giá là 621.900đ; 01 cây khế đường kính 15-20cm, trị giá là 426.000đ; 01 cây sấu đường kính 30-35 cm, trị giá là 1.414.000đ; 01 xe Vison sản xuất năm 2021, trị giá là 24.000.000đ; 01 máy giặt Aqua cửa đứng sản xuất năm 2020, trị giá 2.120.000đ; 01 điều hòa Toshiba 9000BTU sản xuất năm 2021 trị giá 4.800.000đ; 01 máy lọc nước Kangaroo sản xuất năm 2021 trị giá 3.300.000đ; 01 tủ lạnh Aqua 373 lít sản xuất năm 2018 trị giá 2.000.000đ.

+ Giao cho anh H được quyền sử dụng 244,9m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 94,9 m<sup>2</sup> đất vườn) trị giá là: 301.499.000đ của thửa đất 395, tờ bản đồ 28; địa chỉ thửa đất: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ theo giấy CNQSDĐ số BT 750048 do UBND huyện P N cấp cho anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X ngày 27/6/2014 có chỉ giới là {3,4,5,6,7,8,11,3} (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo); Giao cho anh H được quyền sở hữu tài sản trên thửa đất được giao gồm: 01 nhà 02 tầng trên đất bao gồm cả sân trước nhà, cổng chính và bức tường trước và sau nhà cấp 3, trị giá 800.000.000đ. Các tài sản khác gồm: 01 xe Dream sản xuất năm 1993, hết khấu hao không tính giá trị; 01 xe Galaxy sản xuất năm 2017, trị giá 7.200.000đ; 01 tivi samsung 49 inch sản xuất năm 2017 trị giá là 2.000.000đ; 01 điều hòa Toshiba 9000BTU sản xuất năm 2021 trị giá 4.800.000đ; 01 bộ bàn kê bằng gỗ tạp mua năm 2019 trị giá 3.000.000đ; 01 kệ để tivi bằng gỗ tạp mua năm 2019 trị giá 1.500.000đ; 01 tủ lạnh Toshiba mua năm 2005 không tính giá trị; 01 bình nóng lạnh Rossi 30 lít sản xuất năm 2019 trị giá 440.000đ.

Anh H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị X là 400.000.000 đồng ( giá trị nhà cấp 3 xây 2 tầng).

Chị X có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh H là: 8.407.500đ (giá trị nhà cấp 4) + 7.617.000đ (giá trị đất) = 16.024.500 đồng

Đối trừ: Anh H còn phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị X là: 400.000.000 đồng - 16.024.500 đồng = 383.975.500 đồng.

*Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị X có đơn đề nghị thi hành án mà anh H không thanh toán cho chị. Xiêm số tiền thanh toán chênh lệch tài sản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Tổng giá trị tài sản chị X được hưởng là: 316.734.000đ (giá trị đất) + 36.220.000 đ (giá trị tiền các tài sản trong nhà) + 8.844.000đ (giá trị tiền cây) + 383.975.500 đ (tiền anh H thanh toán chênh lệch tài sản) = 745.773.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là: 301.499.000đ (giá trị tiền đất) + 800.000.000đ (giá trị tiền nhà cấp 3) + 18.940.000 đ (giá trị tiền các tài sản trong nhà) - 383.975.500 đồng (tiền thanh toán chênh lệch tài sản cho chị X) = 736.463.500 đồng.

#### 4. Về nợ:

- Buộc chị Phùng Thị X và anh Vũ Mạnh H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2709-LAV- 202001534 Ngày 20/5/2020. Thời hạn trả số tiền gốc và

tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2709-LAV- 202001534 ngày 20/5/2020. Nếu đến thời hạn trả gốc và lãi, chị X và anh H vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng N có quyền làm đơn đề nghị thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp của anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X. Việc xử lý tài sản thế chấp thực hiện theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2709LCP201900942 ngày 10/5/2019 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2709LCP201900942 ngày 20/5/2020 để thu hồi nợ khi đến hạn trả nợ.

5. Về công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/7/2023 anh Vũ Mạnh H có đơn kháng cáo không nhất trí về phần chia tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của các đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX: áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Mạnh H.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P N, tỉnh Phú Thọ về phần chia tài sản chung, buộc chị X thanh toán thanh toán chênh lệch giá trị đất cho anh H thêm từ 60 đến 70 triệu đồng.

Anh H không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Vũ Mạnh H trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại điều 272, 273 BLTTDS; đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của anh Vũ Mạnh H Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Xét nội dung kháng cáo về chia tài sản chung anh H cho rằng thừa đất đứng tên 02 vợ chồng là của riêng anh có trước thời kỳ hôn nhân nên không đồng ý chia, HĐXX nhận thấy:

Thừa đất đất 395, tờ bản đồ 28 diện tích 558,1m<sup>2</sup> do UBND huyện P N cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X, tại Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ anh H cho riêng anh H từ trước năm 1996 đã cấp giấy chứng nhận quyền



sử dụng đất đứng tên anh H. Năm 2009 anh H và chị X xây 01 nhà cấp 4 trên diện tích đất này để ở. Đến năm 2014, thực hiện chủ trương của Nhà nước về cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, anh H đã đăng ký kê khai cấp đổi QSD đất đứng tên anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X. Năm 2019 anh chị xây 01 nhà cấp ba 2 tầng trên diện tích đất này để ở. Từ khi cấp đổi lại giấy CNQSDĐ đứng tên hai vợ chồng anh H cũng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ anh H đã đưa tài sản riêng là quyền sử dụng đất của mình nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy cần xác định thửa đất đất 395, tờ bản đồ 28 diện tích 558,1m<sup>2</sup> do UBND huyện P N cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X, tại Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ là tài sản chung của vợ chồng nên việc chị X đề nghị được chia đất là có căn cứ pháp luật nhưng cấp sơ thẩm khi chia tài sản chung là đất không xem xét đến công sức và nguồn gốc của thửa đất trên mà chia mỗi người được 1/2 giá trị quyền sử dụng đất là không đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, lẽ ra cấp sơ thẩm phải chia giá trị quyền sử dụng đất cho anh H phần nhiều hơn mới phù hợp, về cách chia đất như cấp sơ thẩm xét thấy cần giữ nguyên nhưng buộc chị X phải thanh toán chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất cho anh H thêm số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và đối trừ vào số tiền anh H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị X là phù hợp quy định pháp luật.

Kháng cáo của anh H về nội dung này là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, [2.2]. Xét nội dung kháng cáo không nhất trí khoản nợ ngân hàng N số tiền 300 triệu đồng với lý do vợ chồng ly thân từ tháng 9/2022 nhưng tháng 10/2022 chị X mới vay nên không nhất trí là nợ chung. HĐXX nhận thấy: Năm 2020 chị X và anh H đều thống nhất vay của phòng giao dịch P L – Ngân hàng N, hạn mức vay là 300 triệu đồng. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là chi tiêu sinh hoạt gia đình, vay kinh doanh phục vụ gia đình. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên hai vợ chồng chị X, anh H. Theo lời khai của anh H thì khoản nợ trên anh được biết đã thanh toán xong từ năm 2021. Đến năm 2022 chị X vay lại, anh không ký, không biết nên anh không đồng ý khoản nợ này. Tuy nhiên, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng cung cấp, lời khai của các bên đương sự thể hiện: Năm 2020 anh H đã ủy quyền cho cho chị X toàn quyền đại diện cho anh và các thành viên hộ gia đình đứng ra vay vốn tại phòng giao dịch P L - Ngân hàng N, mục đích vay để phục vụ sinh hoạt gia đình và phục vụ kinh doanh. Năm 2020 chị X đã đứng tên ký hợp đồng tín dụng hạn mức vay số tiền 300 triệu đồng. Ngân hàng giải ngân từng lần theo giấy đề nghị vay và giấy nhận nợ, cụ thể: Ngày 22/5/2020 vay số tiền 200 triệu đồng, số tiền này chị X đã tất toán xong. Đến ngày 12/10/2020 vay số tiền 40 triệu đồng, số tiền này chị X đã tất toán xong; Ngày 14/3/2022 vay số tiền 130 triệu đồng, chị X đã thanh toán trả gốc 85 triệu đồng hiện còn nợ 45 triệu đồng; Ngày 06/10/2022 vay tiếp số tiền 155 triệu đồng và ngày 17/10/2022 vay số tiền 100 triệu đồng. Hiện nay dư nợ gốc còn lại là 300 triệu đồng và lãi chị X đã thanh toán đến 31/5/2023. Quá trình giải quyết vụ án anh H chị X đều xác định năm 2019 hai vợ chồng làm nhà cấp 3 xây 02 tầng, số tiền làm nhà anh chị xác định khoảng 800 triệu đồng, vợ chồng có khoảng 150 triệu còn lại là vay nợ. Mặc dù anh H không thừa nhận nợ ngân hàng số tiền 300 triệu đồng nhưng đây là số tiền ngân hàng

giải ngân từ hợp đồng tín dụng năm 2020, anh H biết và ủy quyền cho chị X toàn quyền đứng ra vay ngân hàng và anh H là người ký thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. anh H thừa nhận vợ chồng có vay tiền làm nhà nhưng người vay là chị X. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H phải có nghĩa vụ trả nợ cùng chị X đối với khoản tiền này là có căn cứ. Do đó, kháng cáo nội dung này của anh H không được chấp nhận.

[2.3] Nội dung kháng cáo của anh H được chấp nhận một phần nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung và án phí.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh H được chấp nhận một phần nên phải không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phúc thẩm do anh H đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Mạnh H.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 13/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P N, tỉnh Phú Thọ về phần tài sản chung và án phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 59, 62, 63, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm b, e khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

##### **1. Về tài sản chung:**

+ Giao cho chị X được quyền sử dụng 290,8m<sup>2</sup> đất (trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở; 140,8 m<sup>2</sup> đất vườn) trị giá là 316.734.000đ của thửa đất 395, tờ bản đồ 28; địa chỉ thửa đất: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ theo giấy CNQSDĐ số BT 750048 do UBND huyện P N cấp cho anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X ngày 27/6/2014 có chỉ giới là {1,2,3,11,9,10,1} (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo); Giao cho chị X được quyền sở hữu tài sản trên thửa đất được giao gồm: **01 nhà cấp 4, diện tích 109m<sup>2</sup> trị giá là: 14.134.000đ**; 01 bức tường rào dài 10,4m (phần tường rào xây trên phần đất chị được giao sử dụng) trị giá là **2.681.000 đ**; 02 cây sấu đường kính 40-45cm, trị giá là 3.394.000 đ; 01 cây sung đường kính 25-30cm, trị giá là 1.130.000đ; 01 cây vải đường kính 30-35cm, trị giá là 1.857900đ; 01 cây Bưởi đường kính 10-15cm, trị giá là 621.900đ; 01 cây khế đường kính 15-20cm, trị giá là 426.000đ; 01 cây sấu đường kính 30-35 cm, trị giá là 1.414.000đ; 01 xe Vison sản xuất năm 2021, trị giá là 24.000.000đ; 01 máy giặt Aqua cửa đứng sản xuất năm 2020, trị giá 2.120.000đ; 01 điều hòa Toshiba 9000BTU sản xuất năm 2021 trị giá 4.800.000đ; 01 máy lọc nước Kangaroo sản xuất năm 2021 trị giá 3.300.000đ; 01 tủ lạnh Aqua 373 lít sản xuất năm 2018 trị giá 2.000.000đ.

+ Giao cho anh H được quyền sử dụng 244,9m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 94,9 m<sup>2</sup> đất vườn) trị giá là: 301.499.000đ của thửa đất 395, tờ bản đồ 28; địa



chỉ thửa đất: Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ theo giấy CNQSDĐ số BT 750048 do UBND huyện P N cấp cho anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X ngày 27/6/2014 có chỉ giới là {3,4,5,6,7,8,11,3} (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo); Giao cho anh H được quyền sở hữu tài sản trên thửa đất được giao gồm: 01 nhà 02 tầng trên đất bao gồm cả sân trước nhà, cổng chính và bức tường trước và sau nhà cấp 3, trị giá 800.000.000đ. Các tài sản khác gồm: 01 xe Dream sản xuất năm 1993, hết khấu hao không tính giá trị; 01 xe Galaxy sản xuất năm 2017, trị giá 7.200.000đ; 01 tivi samsung 49 inch sản xuất năm 2017 trị giá là 2.000.000đ; 01 điều hòa Toshiba 9000BTU sản xuất năm 2021 trị giá 4.800.000đ; 01 bộ bàn kê bằng gỗ tạp mua năm 2019 trị giá 3.000.000đ; 01 kệ để tivi bằng gỗ tạp mua năm 2019 trị giá 1.500.000đ; 01 tủ lạnh Toshiba mua năm 2005 không tính giá trị; 01 bình nóng lạnh Rossi 30 lít sản xuất năm 2019 trị giá 440.000đ.

Anh H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị X là 400.000.000 đồng ( giá trị nhà cấp 3 xây 2 tầng).

Chị X có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh H là: **8.407.500đ (giá trị nhà cấp 4) + 77.617.500đ (giá trị đất) = 86.025.000 đồng**

Đổi trừ: Anh H còn phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị X là: 400.000.000 đồng - 86.025.000 đồng = 313.975.000 đồng.

*Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị X có đơn đề nghị thi hành án mà anh H không thanh toán cho chị. Xiêm số tiền thanh toán chênh lệch tài sản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Tổng giá trị tài sản chị X được hưởng là: 316.734.000đ (giá trị đất) + 16.815.000đ (Giá trị nhà và tường rào) + **36.220.000 đ (giá trị tiền các tài sản trong nhà) + 8.844.000đ (giá trị tiền cây - làm tròn số) + 313.975.000 đồng (tiền anh H thanh toán chênh lệch tài sản) = 692.588.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).**

Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là: 301.499.000đ (giá trị tiền đất) + **800.000.000đ (giá trị tiền nhà cấp 3) + 18.940.000 đ (giá trị tiền các tài sản trong nhà) - 313.975.000 đồng (tiền thanh toán chênh lệch tài sản cho chị X) = 806.464.000 đồng (Tám trăm linh sáu triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).**

## 2. Về công nợ:

- Buộc chị Phùng Thị X và anh Vũ Mạnh H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 150.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2709-LAV- 202001534 Ngày 20/5/2020. Thời hạn trả số tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2709-LAV- 202001534 ngày 20/5/2020. Nếu đến thời hạn trả gốc và lãi, chị X và anh H vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng N có quyền làm đơn đề nghị thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp của anh Vũ Mạnh H và chị Phùng Thị X. Việc xử lý tài sản thế chấp thực hiện theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2709LCP201900942 ngày 10/5/2019 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2709LCP201900942 ngày 20/5/2020 để thu hồi nợ khi đến hạn trả nợ.

3. Chị Phùng Thị X được quyền lưu cư 06 tháng tại nhà cấp 3 hai tầng trên đất ở địa chỉ Khu X, xã P L, huyện P N, tỉnh Phú Thọ kể từ ngày án có hiệu lực.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phùng Thị X phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 31.703.520 đồng tiền án phí đối với tài sản được chia; 7.500.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng là: 39.503.520 đồng. Xác nhận chị X đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001653 ngày 01/02/2023 và 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001654 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P N, tỉnh Phú Thọ. Chị X còn phải nộp 2.203.520 đồng (Hai triệu hai trăm linh ba nghìn năm trăm hai mươi đồng) tiền án phí.

- Anh Vũ Mạnh H phải chịu 36.193.920 đồng tiền án phí đối với tài sản được chia và 7.500.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng là 43.693.920 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng).

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Vũ Mạnh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Vũ Mạnh H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001836 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P N.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện P N;
- THADS huyện P N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Tiến Dũng**